

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 03 - 2018
V/v tranh chấp về ly hôn, con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Dương Tiền

2. Ông Đỗ Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 566/2017/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lê Mi X, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp P, xã P1, huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án của chị T trình bày: chị và anh X tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào ngày 06-5-2009 âm lịch, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P1, huyện G ngày 10-3-2010; sau khi cưới chị về sống chung bên chồng đến ngày 09-4-2016 ly thân; nguyên nhân do anh X không lo lắng cho vợ con, uống rượu về nghe lời mẹ chồng chửi bới chị trong thời gian dài nên vợ chồng đã ly thân với nhau nhiều lần, cuối năm 2016 chị đã làm đơn xin ly hôn sau đó rút đơn để vợ chồng sống riêng nhưng anh X không đồng ý. Nay chị yêu cầu ly hôn; về con chung cháu Lê Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 18-10-2012 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng;

tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Mi X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh X vắng mặt không rõ lý do nên không thể hiện yêu cầu.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và chị Tuyền thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Riêng anh Xenl không đến Tòa án để lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập là vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: chị T và anh X tự nguyện chung sống với nhau vào tháng 5 năm 2009 âm lịch, có đăng ký kết hôn; quá trình chung sống anh X không lo cho vợ, con; nghe lời mẹ ruột chửi bới chị T trong thời gian dài nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân với nhau nhiều lần, lần cuối từ tháng 4-2016 cho đến nay; từ khi ly thân đến nay mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai; xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cho chị T và anh X ly hôn.

Về con chung: cháu Lê Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 18-10-2012 hiện đang sống chung với chị T từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay; hiện tại cháu phát triển bình thường về mọi mặt; đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu T1 cho chị T tiếp tục nuôi, đồng thời buộc anh X phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi là có căn cứ phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; anh Xenl có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung chị Tuyền không yêu cầu đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Lê Mi X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh X là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: chị T và anh X tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 5 năm 2009 âm lịch, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P1 ngày 10-3-2010 nên được pháp luật thừa nhận hôn nhân hợp pháp; vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh X sau mỗi lần uống rượu về nghe lời mẹ ruột chửi bới chị T trong thời gian dài, không lo cho vợ con, nên vợ chồng đã ly thân nhau nhiều lần; chị T làm đơn xin ly hôn thì anh X hứa để ra sống riêng nên chị T rút đơn nhưng anh X không thực hiện; từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay; từ khi ly thân cho đến nay mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, không có thiện

chí hàn gắn. Như vậy có căn cứ cho rằng anh X vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T và anh X ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: cháu Lê Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 18-10-2012, đang sống chung với chị T từ khi vợ chồng ly thân đến nay; hiện nay cháu phát triển bình thường về mọi mặt; nay chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi là có căn cứ phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và đề nghị của Viện kiểm sát giao con cho chị T tiếp tục nuôi; anh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chị T yêu cầu mỗi tháng 1.000.000 đồng xét thấy có căn cứ phù hợp với Điều 110, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: chị T không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: chị Nguyễn Thanh T và anh Lê Mi X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 110, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh T; chị Nguyễn Thanh T được ly hôn với anh Lê Mi X.

2. Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thanh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 18-10-2012; buộc anh Lê Mi X phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi; anh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do chị Y đã nộp 300.000 theo biên lai thu số 0012586 ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu (chị Y đã nộp xong)

Anh Lê Mi X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng chị Nguyễn Thanh Tuyền và anh Lê Mi X vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐK kết hôn;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tùng